

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hà Nội, tháng 12/2025

MỤC LỤC

Chương I	2
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Vai trò, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	2
Chương II	3
CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	3
Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	4
Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị	5
Điều 11. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách	6
Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	6
Điều 13. Đình chỉ, tạm đình chỉ thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 14. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 15. Cơ cấu Hội đồng quản trị	8
Điều 16. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị	9
Chương III	9
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị	9
Điều 18. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	12
Điều 19. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 20. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	15
Điều 21. Thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	18
Điều 22. Biên bản họp Hội đồng quản trị	19
Điều 23. Cung cấp, công bố công khai các lợi ích có liên quan	20
Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Chương IV	22
NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC	22
Điều 25. Mối quan hệ làm việc của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Khen thưởng, kỷ luật	24
Chương V	25
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	25
Điều 27. Điều khoản thi hành	25

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là HĐQT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

2.1. HĐQT, thành viên HĐQT.

2.2. Cá nhân, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Quốc Dân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. *Ngân hàng Nhà nước* là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.2. *Ngân hàng/NCB* là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

3.3. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

3.4. *Luật Các tổ chức tín dụng (Luật các TCTD)* là Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

3.5. *Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

3.6. *Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương khác theo quy định/quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.

3.7. *Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.

3.8. *Người có liên quan* được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

3.9. *Công ty liên kết của Ngân hàng* được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

3.10. *Công ty con* của Ngân hàng được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

3.11. Các từ ngữ khác trong Quy chế này được hiểu như giải thích tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 4. Vai trò, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

4.1. HĐQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực

hiện quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 4.2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- 4.3. HĐQT thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1. HĐQT có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.
- 5.2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên HĐQT:

- 7.1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
- 7.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
- 7.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
- 7.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
- 7.5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm

đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ.

- 7.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng.
- 7.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- 7.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
- 7.9. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
- 7.10. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5.2 Điều 5 Quy chế này.
- 7.11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- 8.1. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
- 8.2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- a) Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 8.3. Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
- a) Người điều hành Ngân hàng;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 8.4. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 9.1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
- 9.2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- 9.3. Có trình độ từ đại học trở lên.
- 9.4. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 10.1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân

hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó.

- 10.2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng.
- 10.3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
- 10.4. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
- 10.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

Điều 11. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách

11.1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách Thành viên HĐQT:

- a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 7 Quy chế này;
- b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
- c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
- f) Chết.

11.2. HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, f Khoản 11.1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.

11.3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

12.1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 11 Quy chế này, Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT;

- b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này;
 - d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập HĐQT không đáp ứng quy định tại Khoản 8.3 Điều 8 và Điều 10 Quy chế này;
 - e) Không trung thành với lợi ích của Ngân hàng thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông;
 - f) Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp HĐQT dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do HĐQT phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng;
 - g) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng;
 - h) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ Ngân hàng.
- 12.2. Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

12.3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại Khoản 12.1 Điều này, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Đình chỉ, tạm đình chỉ thành viên Hội đồng quản trị

13.1. Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT có thể bị Ngân hàng Nhà nước đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 8 Quy chế này;
- b) Vi phạm quy định tại Khoản 19.9 Điều 19 Quy chế này;
- c) Vi phạm quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện

quyền, nghĩa vụ được giao;

d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này.

13.2. Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT có thể bị Ban kiểm soát đặc biệt đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong trường hợp Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

13.3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 13.1, Khoản 13.2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, HĐQT và Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặt biệt.

Điều 14. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

14.1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này) làm Chủ tịch HĐQT.

14.2. Chủ tịch HĐQT muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành của pháp luật.

14.3. Thành viên HĐQT muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

14.4. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 5.1 Điều 5 quy chế này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng bị đặt vào kiểm soát đặc biệt.

14.5. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý.

Điều 15. Cơ cấu Hội đồng quản trị

15.1. Cơ cấu HĐQT gồm có Chủ tịch và các thành viên khác của HĐQT.

15.2. HĐQT có bộ phận giúp việc là Văn phòng HĐQT và các Ban chuyên trách do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.

15.3. HĐQT phải thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. HĐQT quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị

- 16.1. Bộ phận giúp việc của HĐQT bao gồm Văn phòng HĐQT, các Ban chuyên trách do HĐQT quyết định thành lập. Thành phần bộ máy giúp việc bao gồm Chánh, Phó chánh Văn phòng HĐQT; Trưởng/Phó Trưởng ban chuyên trách, Thư ký HĐQT, Trợ lý và các chuyên viên/nhân viên và các chức danh khác.
- 16.2. Các chức danh Chánh văn phòng HĐQT, Trưởng ban chuyên trách do Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên khác của HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công quyết định bổ nhiệm trên cơ sở ý kiến thông qua của HĐQT.
- 16.3. Các chức danh khác thuộc bộ phận giúp việc do Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên khác của HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công quyết định bổ nhiệm, phân công trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban, Chánh Văn phòng HĐQT.
- 16.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng HĐQT và các Ban chuyên trách do HĐQT quyết định.
- 16.5. HĐQT có thể có các nhân viên giúp việc chuyên trách khác; số lượng và nhiệm vụ cụ thể của các chức danh này do HĐQT quyết định.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

- 17.1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.
- 17.2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 17.3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng.
- 17.4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- 17.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ HĐQT.
- 17.6. Quyết định người đại diện Ngân hàng trực tiếp tham gia giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 17.5 và Khoản 17.8

Điều này bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để giải quyết các khiếu nại.

- 17.7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 17.8. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu tại công ty con của Ngân hàng, trừ trường hợp vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 17.9. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.10. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- 17.11. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.12. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- 17.13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng, việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc trong năm tài chính.
- 17.14. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của Ngân hàng.
- 17.16. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, Hội đồng quản trị quy định phân cấp thẩm quyền phê

- duyet bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng và phê duyệt theo thẩm quyền (nếu có) tại quy định này.
- 17.17. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
 - 17.18. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - 17.19. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - 17.20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
 - 17.21. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được phê duyệt.
 - 17.22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - 17.23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. HĐQT có quyền quy định quy chế tổ chức, làm việc của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác có liên quan trong trường hợp (i) Đại hội đồng Cổ đông được họp theo phương thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc (ii) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông qua hình thức gửi fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - 17.24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; quyết định phương thức họp Đại hội đồng cổ đông bằng các phương thức họp trực tiếp, họp thông qua hội nghị trực tuyến hoặc phương thức khác; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 17.25. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
 - 17.26. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - 17.27. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
 - 17.28. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
 - 17.29. Xây dựng, cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi Ngân

hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 143 Luật Các TCTD; Thông qua, gửi Ngân hàng Nhà nước phương án khắc phục được xây dựng, cập nhật theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 158 Luật các TCTD trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm.

17.30. Ban hành quy chế tài chính, quản lý và sử dụng quỹ tại NCB..

17.31. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng; yêu cầu phá sản Ngân hàng.

17.32. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 18. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

18.1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Việc bầu Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 20.1 Điều 20 Quy chế này.

18.2. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT, Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật trong việc tổ chức hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

18.3. Chủ tịch HĐQT có quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Làm việc theo chế độ chuyên trách; phụ trách, quản lý chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác được HĐQT giao quyền;
- b) Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
- d) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT; chỉ định Thư ký cuộc họp HĐQT;
- e) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- f) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- g) Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- h) Trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch HĐQT ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Khoản 18.4 Điều này;
- i) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
- j) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT;
- k) Giám sát thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;

- l) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng của HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
 - m) Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn cho HĐQT nếu cần thiết;
 - n) Chỉ đạo các hoạt động cần thiết để thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Ngân hàng;
 - o) Trực tiếp phê duyệt, quyết định, chỉ đạo công việc liên quan tới hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong phạm vi được HĐQT phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT theo các quy định nội bộ của Ngân hàng và theo quy định của pháp luật;
 - p) Ký các văn bản, tài liệu xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc các văn bản khác theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu đích danh Chủ tịch HĐQT ký, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Nghị quyết, quyết định, biên bản, tờ trình và văn bản khác của HĐQT;
 - Văn bản phê duyệt và/hoặc quyết định ban hành các chính sách, quy định hoặc các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền của Ủy ban, Hội đồng mà Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch của Ủy ban, Hội đồng đó;
 - Các văn bản triển khai, thực hiện nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ và các công việc quản trị Ngân hàng;
 - Các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh quy định tại Khoản 17.5 Điều 17 Quy chế này;
 - Các văn bản, tài liệu khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của pháp luật.
 - q) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 19 Quy chế này;
 - r) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 18.4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của HĐQT để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT tạm thời không làm việc được hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên này giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 19.1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của tổ chức tín dụng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- 19.2. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
- 19.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được từ các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
- 19.4. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.
- 19.5. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi Ngân hàng bị lỗ.
- 19.6. Xem xét báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- 19.7. Tham dự cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
- 19.8. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các Khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật TCTD.
- 19.9. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
- 19.10. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
- 19.11. Nghiên cứu, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Ngân hàng. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch



kinh doanh hằng năm của Ngân hàng.

- 19.12. Trực tiếp phê duyệt, quyết định, chỉ đạo công việc liên quan tới hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong phạm vi được HĐQT phân cấp, ủy quyền cho thành viên HĐQT theo các quy định nội bộ của Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.
- 19.13. Tham gia các Ủy ban, Hội đồng của Ngân hàng với tư cách thành viên theo đúng quy định nội bộ Ngân hàng và trực tiếp theo dõi, quản lý, phụ trách một hoặc một số mảng hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng theo phân công trực tiếp của Chủ tịch HĐQT. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mảng hoạt động nghiệp vụ được quy định trong các văn bản phân công, giao việc của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp chưa có các văn bản quy định cụ thể thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất về nhiệm vụ, quyền hạn và những nội dung liên quan trong mảng công việc được phân công. Thành viên HĐQT không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên HĐQT là Tổng giám đốc.
- 19.14. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- 19.15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường.
- 19.16. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- 19.17. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
- 19.18. Thành viên độc lập HĐQT phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.
- 19.19. Được Ngân hàng mua Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.
- 19.20. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 20. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

- 20.1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 20.2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do HĐQT quyết định.

20.3. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập.

20.4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của:

- a) Thành viên HĐQT;
- b) Ban kiểm soát;
- c) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

20.5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 20.4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

20.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.

20.7. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT xét thấy cần thiết phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của đa số thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp có thể tổ chức ngay sau khi gửi thông báo mời họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.

20.8. Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra cuộc họp để HĐQT quyết định sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

20.9. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

20.10. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử. Thành viên HĐQT cũng được ủy quyền cho người khác không phải

là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Người được ủy quyền phải cam kết bảo mật thông tin và thành viên HĐQT chấp thuận cho người được ủy quyền tham dự cuộc họp phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin nội dung họp đối với người được ủy quyền. Việc ủy quyền của thành viên HĐQT phải tuân thủ quy định tại Khoản 19.8 Điều 19 Quy chế này.

20.11. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT;
- b) Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
- c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ;
- d) Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng ký với doanh nghiệp có liên quan tới thành viên HĐQT đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp hoặc theo quy định tại Khoản 23.1 Điều 23 Quy chế này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

20.12. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

20.13. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 20.10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc

hình thức điện tử khác;

- d) Gửi ý kiến/phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử và các phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

20.14. HĐQT quyết định tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tiếp.

Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin để họp HĐQT theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp HĐQT và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

20.15. Biểu quyết đa số: Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số các thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết bỏ phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

Điều 21. Thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

21.1. Chủ tịch HĐQT quyết định và tổ chức việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

21.2. Tài liệu, thủ tục, phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản do Chủ tịch HĐQT quyết định.

21.3. Thư ký kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập hoặc tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

- e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT, người chứng kiến, giám sát.
- 21.4. Thư ký tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người chứng kiến, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 21.5. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 21.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Quyết định, Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 22. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 22.1. Các cuộc họp của HĐQT/thường trực HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 22.2 Điều này.
- 22.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 22.1 Điều này (trừ nội dung quy định tại điểm i) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa,

người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

- 22.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 22.4. Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp/ Thông báo chỉ đạo triển khai Nghị quyết HĐQT (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại Bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng HĐQT của Ngân hàng.
- 22.5. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Văn phòng HĐQT của Ngân hàng.
- 22.6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23. Cung cấp, công bố công khai các lợi ích có liên quan

23.1. Thành viên HĐQT phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
- c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
- d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

23.2. Thành viên HĐQT phải gửi văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin tại Khoản 23.1 Điều này cho Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

- 23.3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 23.1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các Điểm a, b, d Khoản 23.1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông.
- 23.4. Thành viên HĐQT cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin.
- 23.5. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 24.1. Chủ tịch và các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được hưởng thù lao, thưởng và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua hàng năm. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên HĐQT và số phí công vụ mà mỗi thành viên HĐQT đã nhận sẽ được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm của Ngân hàng.
- 24.2. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT kiêm nhiệm công việc tại các Tiểu ban/Ủy ban/Hội đồng của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, thì ngoài khoản thù lao, tiền lương (nếu có), tiền công, phụ cấp được trả, Thành viên HĐQT đó có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 24.3. Thù lao, thưởng và các chi phí hợp lý khác của các thành viên HĐQT, chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương IV **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 25. Mỗi quan hệ làm việc của Hội đồng quản trị

- 25.1. Đối với bên ngoài: Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy nhiệm quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và các pháp nhân bên ngoài với tư cách nhân danh HĐQT và nhân danh Ngân hàng.
- 25.2. Đối với Cổ đông: HĐQT với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng. Do đó, HĐQT phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Ngân hàng, kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường/HĐQT có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với HĐQT và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho các cổ đông những thông tin cần thiết trong giới hạn được cung cấp.
- 25.3. Đối với Ban Kiểm soát:
- a) HĐQT với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ;
 - b) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến Ban Kiểm soát;
 - c) Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp HĐQT phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên HĐQT;
 - d) Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp;
 - e) Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến Ban Kiểm soát;
 - f) HĐQT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban Kiểm soát;
 - g) HĐQT thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với HĐQT tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;
 - h) Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định;

- i) Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

25.4. Đối với Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý điều hành:

- a) HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành hành công việc kinh doanh hàng ngày của NCB, triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- b) Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong Ban Điều hành, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc của Ngân hàng để nắm rõ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và bất kỳ cán bộ quản lý tại các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc của Ngân hàng. Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT;
- d) HĐQT có trách nhiệm tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ điều hành có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Ngân hàng. Khi lựa chọn Tổng Giám đốc, HĐQT phải bảo đảm rằng Tổng Giám đốc có khả năng quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày để đạt được mục tiêu kế hoạch của Ngân hàng đề ra. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn phải được ưu tiên trong khi lựa chọn Tổng Giám đốc;
- e) HĐQT tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời có trách nhiệm theo dõi, giám sát để kịp thời xử lý mọi sai phạm của cán bộ điều hành các cấp trong toàn hệ thống Ngân hàng;
- f) HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát;
- g) Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành, quản lý Ngân hàng có trách nhiệm và nghĩa vụ thường xuyên cung cấp thông tin, văn bản liên quan đến việc thực hiện các chỉ đạo, chủ trương, nghị quyết, quyết định, cơ chế, quy chế điều hành và kinh doanh của Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT và những người được HĐQT chỉ định;
- h) Thành viên HĐQT được HĐQT phân công họp giao ban hàng tuần với Ban điều hành, tham dự các buổi giao ban tháng mở rộng của Ban điều hành; thường xuyên làm việc với Sở giao dịch, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc,

qua đó thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của HĐQT, đồng thời lắng nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền;

- i) Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện thấy vấn đề bất lợi cho Ngân hàng thì Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh thì Tổng giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện Nghị quyết, quyết định nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình;
- j) Trường hợp Tổng Giám đốc không điều hành tại Hội sở chính (do đi công tác, nghỉ phép hàng năm hoặc lý do khác), thì thực hiện như sau:
 - Từ 01 ngày làm việc trở lên, Tổng Giám đốc ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc thay mình giải quyết công việc điều hành Ngân hàng.
 - Từ 02 đến 04 ngày làm việc, Tổng Giám đốc ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc thay mình giải quyết công việc điều hành Ngân hàng và phải báo cáo Chủ tịch HĐQT.
 - Từ 05 ngày làm việc trở lên phải được Chủ tịch HĐQT phê duyệt, chấp thuận ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết công việc điều hành Ngân hàng.

25.5. Quan hệ với tổ chức Công đoàn:

- a) HĐQT tạo điều kiện về tài chính và thời gian để Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình;
- b) HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành công đoàn cơ sở;
- c) Đại diện Ban chấp hành công đoàn tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động;
- d) HĐQT xây dựng cơ chế để Ban chấp hành công đoàn cơ sở giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng của Ngân hàng.

Điều 26. Khen thưởng, kỷ luật

26.1. Các thành viên HĐQT và bộ máy điều hành các cấp của Ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ và thi hành Quy chế này.

26.2. HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT.

26.3. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT

được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền lương (nếu có), thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, tiền lương (nếu có), thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

- 26.4. Mọi vi phạm Quy chế này (nếu có) sẽ do HĐQT xử lý bằng biện pháp hành chính.
- 26.5. Riêng đối với những vi phạm của các thành viên HĐQT có ảnh hưởng nặng nề đến tài sản, lợi ích hay uy tín của Ngân hàng sẽ do HĐQT bàn bạc thống nhất đưa ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất để xin miễn nhiệm, bãi nhiệm và truy cứu trách nhiệm nếu thấy cần thiết.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Điều khoản thi hành

- 27.1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2025.
- 27.2. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị mã số QC.BM.003 v10.0 ban hành ngày 29 tháng 3 năm 2025 hết hiệu lực.
- 27.3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 27.4. Những nội dung về tổ chức, hoạt động của HĐQT chưa được quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng, các văn bản quy phạm pháp luật quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định tại Điều lệ Ngân hàng, văn bản quy phạm pháp luật.
- 27.5. Các Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/Trung tâm tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân liên quan của Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Thị Thanh Hương